TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 24–11–2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Xuân Tư, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Trí Danh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Vừ Bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST - HNGĐ ngày 10-10-2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04-11-2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vừ Thị C, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NU, xã BM, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Phá A S, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NU, xã BM, tỉnh Sơn La. (Anh Phá A S hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Thôn Tĩnh Hưng, xã Hưng Khánh, tỉnh Lào Cai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vừ Thị C trình bày:

Chị Vừ Thị C và anh Phá A S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã LH, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ngoài ra anh Phá A S là người ăn chơi, đua đòi, chị C đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S vẫn không từ bỏ được ma túy dẫn đến hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phá A S hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công

an từ năm 2024 cho đến nay. Chị Vừ Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phá A S.

Về con chung: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S có 02 con chung: Cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016.

Chị Vừ Thị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vừ Thị C không yêu cầu anh Phá A S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Phá A S trình bày (Có xác nhận của Trại giam Hồng Ca):

Anh Phá A S và chị Vừ Thị C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã LH, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ngoài ra anh S là người ăn chơi đua đòi dẫn đến vi phạm pháp luật. Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị Vừ Thị C yêu cầu ly hôn, anh Phá A S xác định tình cảm không còn, anh S nhất trí ly hôn với chị Vừ Thị C.

Về con chung: Anh Phá A S và chị Vừ Thị C có 02 con chung: Cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016. Anh S đề nghị được giao cả hai cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M cho chị Vừ Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phá A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 28/10/2025 xác định: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã LH, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Hiện tại chị C và anh S đã sống ly thân. Anh S hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hồng Ca. Về con chung: chị Vừ Thị C và anh Phá A S có 02 con chung là cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016. Hiện tại cả hai cháu đang ở với chị C. Chị Vừ Thị C có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 (Biên bản ghi ý kiến ngày 28/10/2025): Cháu Phá Thanh X có nguyện vọng muốn ở với chị Vừ Thị C.

Ý kiến của cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016 (Biên bản ghi ý kiến ngày 28/10/2025): Cháu Phá A M có nguyện vọng muốn ở với chị Vừ Thị C.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Vừ Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị C giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Anh Phá A S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh S giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình cảm: Xử cho chị Vừ Thị C được ly hôn với anh Phá A S.

Về con chung: Giao cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016 cho chị Vừ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phá A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Vừ Thị C theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vừ Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phá A S có nơi trú tại bản NU, xã BM, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vừ Thị C, bị đơn anh Phá A S vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã LH, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị C và anh S là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh Phá A S là người ăn chơi, đua đòi dẫn đến vi phạm pháp luật, mặc dù đã được chị C và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S vẫn không từ bỏ dẫn đến hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phá A S hiện đang chấp hành án tù Chung thân tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an. Chị Vừ Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phá A S. Anh Phá A S nhất trí ly hôn với chị Vừ Thị C.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị C và anh S không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Phá A S là người ăn chơi, đua đòi dẫn đến vi phạm pháp luật, mặc dù đã được chị C nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S vẫn không từ bỏ được, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chị Vừ Thị C và anh Phá A S đã sống ly thân nhau.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị C và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Vừ Thị C ly hôn với anh Phá A S.

[3] Về con chung: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S có 02 con chung là cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị Vừ Thị C.

Chị Vừ Thị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M. Anh S nhất trí giao cả hai cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ý kiến của cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M đều có nguyện vọng muốn ở với chị Vừ Thị C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Phá A S là người không quan tâm gia đình, ăn chơi đua đòi dẫn đến vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án hình phạt tù Chung thân tại Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an, nên không có điều kiện nuôi con. Ý kiến của các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với chị Vừ Thị C. Chị Vừ Thị C có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh S phải đi chấp hành án thì chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, chị C đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Phá Thanh X và cháu Phá A M cho chị Vừ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phá A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vừ Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu được miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vừ Thị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vừ Thị C được ly hôn với anh Phá A S.

2. Về con chung: Giao cháu Phá Thanh X, sinh ngày 21/10/2014 và cháu Phá A M, sinh ngày 01/02/2016 cho chị Vừ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phá A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vừ Thị C và anh Phá A S xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vừ Thị C.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vừ Thị C, anh Phá A S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 - Sơn La;
- UBND xã LH, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tiến Dũng